Sao y, HĐND xã Yên Hòa
17/11/2026 10:22:48

| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**XÃ YÊN HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 21 /NQ-HĐND | *Yên Hòa, ngày 06 tháng 11 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT
## Bổ sung, điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA
## KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 4

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Yên Hòa về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của HĐND xã Yên Hòa về điều chỉnh, phân bổ vốn chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026;*

*Xét Tờ trình số 2957/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của UBND xã Yên Hòa; Báo cáo thẩm tra số 116/BC-BKTNS ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026**

1. Giảm 3.100,000 triệu đồng của dự án hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước quy hoạch đất ở dân cư thôn Phú Hòa, Mỹ Hòa.

2. Bổ sung danh mục và phân bổ vốn cho 02 công trình với tổng số tiền 553,356 triệu đồng, gồm: dự án hạ tầng khu dân cư thôn Quý Hòa 297,695 triệu

đồng, dự án nạo vét mương tiêu thoát nước dọc kênh N8 và các hạng mục phụ trợ 255,661 triệu đồng.

3. Vốn chưa phân bổ sau điều chỉnh là 4.674,074 triệu đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).*

4. Các nội dung khác không được bổ sung, điều chỉnh tại nghị quyết này tiếp tục được thực hiện theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16/7/2026 của HĐND xã Yên Hòa về điều chỉnh, phân bổ vốn chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu, nguồn vốn và điều kiện bố trí vốn; quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Yên Hòa khóa III, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***
- Thường trực HĐND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các Tổ đại biểu HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

H.Đ.N.D XÃ YÊN HÒA T.HÀ TĨNH

**Trần Đình Hải**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ YÊN HÒA

# PHỤ LỤC: BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2026 của HĐND xã Yên Hòa)*

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Chủ đầu tư | Số Quyết định phê duyệt BCKTKT, ngày tháng năm | TMĐT/quy mô vốn | Nhu cầu giai đoạn 2026–2030 theo hồ sơ | Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh | Kế hoạch năm 2026 trước điều chỉnh | *Trong đó:* | | | Tăng (+), giảm (−) kỳ này | *Trong đó:* | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | *Vốn hỗ trợ đất trồng lúa* |
| | **Tổng cộng** | | | | **142.350,584** | **142.348,279** | **70.914,590** | **70.914,590** | **31.479,590** | **9.635,000** | **29.800,000** | - | - | - | | - |
| **A** | **Dự án và vốn chưa phân bổ** | | | | **141.164,898** | **141.162,593** | **69.862,430** | **69.862,430** | **30.927,430** | **9.635,000** | **29.300,000** | - | - | - | | - |
| **I** | **Lĩnh vực giao thông** | | | | **37.955,924** | **37.955,924** | **26.200,000** | **26.200,000** | **15.200,000** | **5.000,000** | **6.000,000** | - | - | - | - | |
| 1 | Mở rộng đường TX-78 đoạn từ đường liên thôn 01 đến huyện lộ ĐH.124 | 8171746 | UBND xã Yên Hòa | 1331, ngày 26/12/2025 | 2.347,924 | 2.347,924 | 1.800,000 | 1.800,000 | 1.800,000 | | | - | | | | |
| 2 | Xây dựng, nâng cấp hạ tầng đường Bắc Hòa đoạn từ đường 19/5 đến đường trục thôn Bắc - Phú - Mỹ | 8171747 | UBND xã Yên Hòa | 1336, ngày 26/12/2025, 1069 ngày 13/7/2026 | 8.500,000 | 8.500,000 | 6.100,000 | 6.100,000 | 6.100,000 | | | - | | | | |
| 3 | Nâng cấp, mở rộng đường trục chính thôn Rạng Đông đoạn từ núi trộn ra biển | 8171744 | UBND xã Yên Hòa | 1333, ngày 26/12/2025, 1068 ngày 13/7/2026 | 13.800,000 | 13.800,000 | 9.800,000 | 9.800,000 | 1.800,000 | 2.000,000 | 6.000,000 | - | | | | |
| 4 | Đường liên thôn Bắc - Phú - Mỹ đoạn từ Phú Hòa đến đường ĐH.124 kéo dài | 8201673 | UBND xã Yên Hòa | Số 177, ngày 11/02/2026 Số 887, ngày 29/5/2026 | 8.000,000 | 8.000,000 | 6.500,000 | 6.500,000 | 3.500,000 | 3.000,000 | | - | | | | |
| 5 | Đường giao thông Nhân Hòa đoạn từ đường trục xã TX-63 đến đồng Cỏ Chỉ | | UBND xã Yên Hòa | Số 1087 ngày 15/7/2026 | 5.308,000 | 5.308,000 | 2.000,000 | 2.000,000 | 2.000,000 | | | - | | | | |
| **II** | **Lĩnh vực giáo dục** | | | | **66.800,000** | **66.800,000** | **24.000,000** | **24.000,000** | **4.000,000** | - | **20.000,000** | - | - | - | - | - |
| 1 | Xây dựng nhà bếp ăn, cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Cẩm Dương, xã Yên Hòa | 8195840 | UBND xã Yên Hòa | Số 27, ngày 10/01/2026; số 650, ngày 23/4/2026 | 7.300,000 | 7.300,000 | 6.000,000 | 6.000,000 | 1.000,000 | | 5.000,000 | - | | | | |

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Chủ đầu tư | Số Quyết định phê duyệt BCKTKT, ngày tháng năm | TMĐT/quy mô vốn | Nhu cầu giai đoạn 2026–2030 theo hồ sơ | Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh | Kế hoạch năm 2026 trước điều chỉnh | *Trong đó:* | | | Tăng (+), giảm (−) kỳ này | *Trong đó:* | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | *Vốn hỗ trợ đất trồng lúa* |
| 2 | Xây dựng nhà đa năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Dương, xã Yên Hoà | 8194053 | UBND xã Yên Hòa | Số 28, ngày 10/01/2026; số 649, ngày 22/4/2026 | 19.800,000 | 19.800,000 | 6.000,000 | 6.000,000 | 1.000,000 | | 5.000,000 | - | | | | |
| 3 | Xây dựng bổ sung 02 dãy nhà học và các hạng mục phụ trợ trường MN Yên Hòa | | UBND xã Yên Hòa | Số 26, ngày 10/01/2026, 1067 ngày 13/7/2026 | 20.325,000 | 20.325,000 | 6.000,000 | 6.000,000 | 1.000,000 | | 5.000,000 | - | | | | |
| 4 | Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Cẩm Dương | | UBND xã Yên Hòa | Số 142, ngày 28/01/2026, 1060 ngày 11/7/2026 | 19.800,000 | 19.800,000 | 6.000,000 | 6.000,000 | 1.000,000 | | 5.000,000 | - | | | | |
| **III** | **Hạ tầng khu dân cư** | | | | **33.292,473** | **33.290,168** | **13.132,695** | **15.935,000** | **8.400,000** | **4.235,000** | **3.300,000** | **(2.802,305)** | **(3.100,000)** | **297,695** | **-** | **-** |
| 1 | Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư vùng gần nhà ông Lượng, thôn Yên Giang | 8172077 | UBND xã Yên Hòa | 1332, ngày 26/12/2025 | 823,695 | 823,695 | 600,000 | 600,000 | 600,000 | | | - | | | | |
| 2 | Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Trung Tiến, Trung Dương | 8173293 | UBND xã Yên Hòa | 1334, ngày 26/12/2025, 1066 ngày 13/7/2026 | 2.700,000 | 2.700,000 | 2.400,000 | 2.400,000 | 1.200,000 | 1.200,000 | | - | | | | |
| 3 | Hệ thống giao thông và mương tiêu thoát nước Quy hoạch đất ở dân cư thôn Phú Hòa, Mỹ Hòa | 8171745 | UBND xã Yên Hòa | 1335, ngày 26/12/2025 | 3.568,778 | 3.568,778 | - | 3.100,000 | 3.100,000 | | | (3.100,000) | *(3.100,000)* | | | |
| 4 | Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật và hệ thống chiếu sáng tuyến đường Quốc lộ 15B đoạn qua Trung tâm xã Yên Hòa | | UBND xã Yên Hòa | số 235, ngày 07/02/2026, 995 ngày 26/6/2026 | 19.900,000 | 19.900,000 | 7.835,000 | 7.835,000 | *1.500,000* | *3.035,000* | *3.300,000* | - | | | | |
| 5 | Mở rộng nhà máy nước Bắc Cẩm Xuyên cấp cho thôn Yên Thành và thôn Yên Quý, xã Yên Hòa | | UBND xã Yên Hòa | Số 931, ngày 10/6/2026, 1043 ngày 03/7/2026 | 6.000,000 | 6.000,000 | 2.000,000 | 2.000,000 | 2.000,000 | | | - | | | | |

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Chủ đầu tư | Số Quyết định phê duyệt BCKTKT, ngày tháng năm | TMĐT/quy mô vốn | Nhu cầu giai đoạn 2026–2030 theo hồ sơ | Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh | Kế hoạch năm 2026 trước điều chỉnh | Trong đó: | | | Tăng (+), giảm (−) kỳ này | Trong đó: | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | *Vốn hỗ trợ đất trồng lúa* |
| 6 | Hạ tầng khu dân cư thôn Quý Hòa, xã Yên Hòa | | UBND xã Yên Hòa | số 1070/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 | 300,000 | 297,695 | 297,695 | - | | | | 297,695 | - | *297,695* | | |
| **IV** | **Lĩnh vực thương mại** | | | | **1.016,501** | **1.016,501** | **800,000** | **800,000** | **800,000** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo chợ Phương | 8178583 | | Số 1337, ngày 26/12/2025 | 1.016,501 | 1.016,501 | 800,000 | 800,000 | 800,000 | | | - | | | | |
| **V** | **Trụ sở cơ quan, đơn vị** | | | | **1.000,000** | **1.000,000** | **800,000** | **800,000** | **800,000** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| 1 | Xây mới nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ UBND xã Yên Hòa | 8196891 | | Số 67, ngày 20/01/2026 Số 518, ngày 06/4/2026 | 1.000,000 | 1.000,000 | 800,000 | 800,000 | 800,000 | | | - | | | | |
| **VI** | **Hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai** | | | | **1.100,000** | **1.100,000** | **255,661** | **-** | **-** | **-** | **-** | ***255,661*** | ***153,356*** | ***102,305*** | **-** | **-** |
| 1 | Dự án nạo vét mương tiêu thoát nước dọc kênh N8 và các hạng mục phụ trợ | | | Số 1001 ngày 29/6/2026 | 1.100,000 | 1.100,000 | 255,661 | - | | | | 255,661 | *153,356* | *102,305* | | - |
| **VII** | **Chưa phân bổ** | | | | | | **4.674,074** | **2.127,430** | **1.727,430** | **400,000** | | **2.546,644** | ***2.946,644*** | ***(400,000)*** | **-** | **-** |
| **B** | **Lĩnh vực quy hoạch** | | | | **1.185,686** | **1.185,686** | 1.052,160 | **1.052,160** | **552,160** | **-** | **500,000** | - | - | - | - | - |
| 1 | Quy hoạch chung xã Yên Hòa đến năm 2050 | 8197354 | UBND xã Yên Hòa | Số 1340 của UBND tỉnh | 933,526 | 933,526 | 800,000 | 800,000 | 300,000 | | 500,000 | - | | | | |
| 2 | Quy hoạch Tổng mặt bằng đất ở dân cư thôn Quý Hòa, xã Yên Hòa, tỷ lệ 1/500 | 8194052 | UBND xã Yên Hòa | Số 251, ngày 10/2/2026 của UBND xã Yên Hòa | 138,160 | 138,160 | 138,160 | 138,160 | *138,160* | | | - | | | | |
| 3 | Điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Trường Mầm non xã Yên Hòa (tỷ lệ 1/500) | 8174115 | UBND xã Yên Hòa | 1033, ngày 27/11/2025 của UBND xã Yên Hòa | 41,000 | 41,000 | 41,000 | 41,000 | *41,000* | | | - | | | | |
| 4 | Điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Trường THCS Cẩm Dương, xã Yên Hòa (tỷ lệ 1/500) | 8174114 | UBND xã Yên Hòa | 1038, ngày 27/11/2025 của UBND xã Yên Hòa | 42,000 | 42,000 | 42,000 | 42,000 | *42,000* | | | - | | | | |

| STT | Danh mục dự án | Mã dự án | Chủ đầu tư | Số Quyết định phê duyệt BCKTKT, ngày tháng năm | TMĐT/quy mô vốn | Nhu cầu giai đoạn 2026–2030 theo hồ sơ | Kế hoạch năm 2026 sau điều chỉnh | Kế hoạch năm 2026 trước điều chỉnh | *Trong đó:* | | | Tăng (+), giảm (−) kỳ này | *Trong đó:* | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | | *Tiền sử dụng đất năm 2026* | *Tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang 2026* | *Ngân sách tỉnh hỗ trợ* | *Vốn hỗ trợ đất trồng lúa* |
| 5 | Điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Trường Mầm non Cẩm Dương, xã Yên Hòa (tỷ lệ 1/500) | 8174116 | UBND xã Yên Hòa | 1040, ngày 27/11/2025 của UBND xã Yên Hòa | 31,000 | 31,000 | 31,000 | 31,000 | *31,000* | | | - | | | | |